

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **82/2018/DS-ST**

Ngày: 29/6/2018

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Đạt**

2. Ông **Trương Thanh Giảng**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Xuân Cường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2018/TLST-DS Ngày 28 tháng 3 năm 2018: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lưu Thị Đ** – sinh năm 1967, có mặt.

Địa chỉ: G22 đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà **Dương Thị T** - sinh năm 1973, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Huỳnh Thị D** – sinh năm 1939, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: khu phố N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau: Ngày 06/6/2016, bà Dương Thị T có vay của bà Đ số tiền 1.450.000.000 đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) và 15 (mười lăm) cây vàng SJC (tạm tính 36.000.000 đồng/lượng x 15 = 540.000.000 đồng), thời hạn vay là một năm, lãi thỏa thuận 1,5%/tháng nhưng đến nay bà T không thanh toán gốc và lãi. Việc vay tài sản có làm biên nhận, do bà Đ sợ bà T không thừa nhận chữ ký trong biên nhận sẽ gây khó khăn trong việc thu hồi nợ nên yêu cầu bà T đóng dấu công ty NHH MTV T và bà D ký tên vào biên nhận.

Tại phiên tòa, Bà Đ yêu cầu Tòa án buộc bà T có nghĩa vụ thanh toán cho tôi 1.450.000.000 đồng và 15 cây vàng SJC, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Dương Thị T trình bày trong bản tự khai ngày 17/4/2018: Từ năm 2012 đến năm 2018 bà T có vay của bà Đ số tiền như trong đơn khởi kiện, lãi 36%/năm đến năm 2017 do mất khả năng thanh toán nên bà Đ giảm lãi còn 18%/năm. Bà Đ có điện thoại thương lượng, giảm nợ còn một tỷ đồng vì khó khăn quá nên bà T xin trả dần trong 4 lần. Bà T mong Tòa án xem xét tiền lãi mà bà T đã đóng cho bà Đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2018, bà T khai việc đóng tiền lãi cho bà Đ là đóng tại nhà bà T, không có làm biên nhận, việc này người làm công trong nhà bà T có chứng kiến. Đóng lãi từ năm 2013 đến 2016, mỗi tháng 60.000.000 đồng, từ năm 2017 đến nay đóng mỗi tháng 30.000.000 đồng. Việc vay tiền cứ mỗi năm bà Đ yêu cầu ký biên nhận mới, bà Đ yêu cầu ký thì ký chứ không nghĩ gì. Số tiền bà vay không có liên quan gì đến bà D, do hai bên gia đình quen biết nhiều năm, bà Đ yêu cầu bà D ký để tin tưởng. Đồng thời lúc vay bà T vay với danh nghĩa cá nhân, bà Đ yêu cầu đóng dấu công ty TNHH MTV T để làm tin chứ không vay mang danh nghĩa công ty.

Bà Huỳnh Thị D trình bày: Bà D có biết việc bà T vay tiền bà Đ, do hai gia đình quen biết nhau nhiều năm nên bà D ký tên làm chứng việc vay tiền chứ bà D không sử dụng nên không liên quan gì đến số tiền vay này.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: Bà Huỳnh Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Dương Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và có đơn xin xét xử vắng mặt Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét về quan hệ pháp luật: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản trước ngày 01/7/2017, nên khi có tranh chấp thì áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 giải quyết.

[3] Về tên gọi, tư cách tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án bà T khai khi vay tiền bà dùng danh nghĩa cá nhân vay tiền bà Đ, bà D chỉ chứng kiến việc vay tiền chứ không sử dụng hay liên quan gì đến số tiền vay, đồng thời bà Đ có đơn yêu cầu thay đổi tên gọi, tư cách người tham gia tố tụng. Do đó hội đồng xét xử thấy rằng xác định bà Dương Thị T là bị đơn, bà Huỳnh Thị D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.450.000.000 đồng và 15 lượng vàng SJC, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Trong bản tự khai bà T thừa

nhận có nợ bà Đ số tiền như trong đơn kiện, bà D cũng khai nhận là có biết việc vay mượn của bà T và cùng bà T ký tên vào giấy biên nhận nợ, bà T thừa nhận ký tên vào biên nhận và dùng dấu công ty TNHH MTV T đóng vào biên nhận để bà Đ tin tưởng. Do đó buộc bà T trả cho bà Đ số tiền 1.450.000.000 đồng và 15 lượng vàng SJC là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005.

Điều 471 quy định như sau: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; Khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*.

[5] Đối với phần trình bày của bà T cho rằng bà đã đóng lãi cho bà Đ từ năm 2013 đến 2016, mỗi tháng 60.000.000 đồng, từ năm 2017 đến nay đóng mỗi tháng 30.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh, bà Đ không thừa nhận. Tòa án có mời các đương sự tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T, bà D không có mặt xem như tự từ bỏ quyền lợi chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Mặc khác dù trong biên nhận nợ có thể hiện “Lãi nợ 2 tháng 60.000.000 đồng 2017” nhưng không thể hiện bà Đ có nhận tiền lãi của bà T.

Đối với việc bà T yêu cầu bà Đ giảm nợ gốc còn một tỷ đồng thì tháng 8/2018 sẽ trả hết cho bà Đ không có cơ sở chấp nhận do nguyên đơn không đồng ý.

[6] Về án phí DSST: bà T bị buộc trả số tiền 1.450.000.000 đồng và 15 cây vàng SJC cho nguyên đơn, Giá vàng SJC ngày 29/6/2018 là 35.230.000 đồng/ lượng x 15 lượng = 529.800.000 đồng, tạm tính tổng số tiền bà T phải trả cho nguyên đơn là 1.979.800.000 đồng nên phải chịu án phí 71.394.000 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận nên nhận lại án phí tạm nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Tuyên xử:

1/ Xử buộc: Bà Dương Thị T có nghĩa vụ trả số tiền 1.450.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) và 15 lượng vàng SJC cho bà Lưu Thị Đ

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà T phải nộp án phí DSST là 71.394.000 đồng.

Bà Lưu Thị Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 35.850.000 đồng theo lai thu số 0001792 ngày 28/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

3/ Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/6/2018). Bà T, bà D có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành Án DS h.Kiên Lương;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Minh